TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2023/DS-ST
Ngày 15 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ D.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 537/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Ông Lê Nhứt V, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp T L, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Dương Ngọc V, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Ấp T L, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp T A, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Hồng T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp T A, xã T Đ, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V trình bày: Ông V và bà V làm chủ hụi ông K và bà T có tham gia các chưng hụi, cụ thể:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 25/4/2022 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 42 phần, ông K và bà T tham gia 01 phần, chưng hụi này đã hốt, ông K và bà T còn thiếu 03 kỳ x 1.000.000 đồng x 01 chưng bằng 3.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/8/2020 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 43 phần, ông K và bà T tham gia 02 phần, hai chưng hụi này đã hốt, ông K và bà T còn thiếu 08 kỳ x 2.000.000 đồng x 02 chưng bằng 32.000.000 đồng.

+ Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2022 âl, mỗi tháng khui 01 lần, dây hụi gồm 35 phần, ông K và bà T tham gia 01 phần, chưng hụi này đã hốt, ông K và bà T còn thiếu 17 kỳ x 2.000.000 đồng x 01 chưng bằng 34.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông K và bà T còn thiếu 69.000.000 đồng. Nay ông V và bà V yêu cầu ông K và bà T trả số tiền hụi 69.000.000 đồng.

Đối với ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông, bà không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông Vvà bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T trả tiền nợ hụi là vụ kiện tranh chấp hụi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Vủ và bà Vẹn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông K và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Việc ông K và bà T có tham gia chơi hụi do ông V và bà V làm đầu thảo và việc ông Kn, bà T còn nợ tiền hụi của ông V, bà V với số tiền 69.000.000 đồng là thực tế có xãy ra. Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Ông V và bà V là chủ hụi với vai trò bảo lãnh cho các hụi viên tham gia chơi hụi, còn ông K và bà T là hụi viên. Trong quá trình chơi hụi ông K, bà T hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi thì với vai trò là chủ hụi ông Vủ và bà Vẹn phải đóng hụi thay cho ông K, bà T.

Đối với ông K và bà T đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông V và bà V nhưng ông, bà không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, khi ông K và bà T tham gia chơi hụi thì ông, bà đang chung sống với nhau và hiện nay vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, buộc ông K và bà T có trách nhiệm trả cho ông V và bà V số tiền hụi 69.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K và bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V.

1. Buộc ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V số tiền là 69.000.000 đồng (sáu mươi chín triệu đồng).

2. Kể từ ngày ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông K và bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Lê Nhứt V và bà Dương Ngọc V số tiền 1.725.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000417 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

Ông Phạm Văn K và bà Trần Hồng T phải chịu 3.450.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hồ Ngọc Yến